

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2015

SỐ NÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
ĐẾN Số: 3686...Số: 4790/CT-BNN-KH
Ngày: 26/6/2015

CHỈ THỊ

**Về xây dựng Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn
và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016**

Thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 3686/BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2015, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ thị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức đánh giá nghiêm túc tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành và dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2015; trong đó, làm rõ các kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra; các tồn tại, hạn chế, nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục trong những tháng cuối năm. Đồng thời, cập nhật đánh giá tình hình kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2011-2015 và Chiến lược phát triển 10 năm 2011-2020.

2. Trên cơ sở kết quả đã đạt được, căn cứ các mục tiêu chủ yếu của chiến lược và kế hoạch phát triển 5 năm 2016-2020 của ngành, lĩnh vực, đơn vị, yêu cầu thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; dự báo tình hình kinh tế thế giới và trong nước; các đơn vị, địa phương xác định mục tiêu, nhiệm vụ, các chỉ tiêu phát triển và giải pháp thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.

3. Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 phải được triển khai xây dựng đồng bộ, hệ thống, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị.

4. Đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả và tăng cường trách nhiệm giải trình trong xây dựng kế hoạch và phân bổ các nguồn lực.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn giá trị gia tăng cao, trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu ngành gắn với xây dựng nông thôn mới góp phần phát triển kinh tế cả nước, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Tốc độ tăng GDP nông lâm thủy sản bình quân từ 3,0- 3,5 %;
- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông lâm thủy sản 4,0 - 4,5%;
- Giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 32 tỷ USD.
- Tỷ lệ che phủ của rừng đạt 42,5%.
- Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí nông thôn mới đạt 25%.

2. Định hướng phát triển ngành năm 2016

2.1. Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, có giá trị gia tăng cao và hiệu quả

Triển khai mạnh tái cơ cấu ngành, lĩnh vực trên cơ sở các đề án và kế hoạch chuyên đề đã được phê duyệt, lựa chọn và sắp xếp thứ tự ưu tiên, các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần tập trung thực hiện trong năm để tạo chuyển biến rõ rệt trong thực tiễn; cụ thể như sau:

a) Trồng trọt:

Thực hiện tái cơ cấu trồng trọt theo hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế vùng, miền; đẩy mạnh các biện pháp thâm canh, thực hành sản xuất tốt và áp dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện các giải pháp pháp đồng bộ quản lý vật tư đầu vào; đồng thời, theo dõi, kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh trên cây trồng đảm bảo hiệu quả cho người sản xuất.

Mở rộng diện tích gieo trồng những giống lúa chất lượng cao, phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước; tiếp tục mở rộng diện tích và tăng sản lượng các loại cây trồng đã có thị trường tốt (ngô, đậu tương, cây nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, rau, hoa công nghệ cao quy mô lớn ở những địa phương có lợi thế...). Đối với các loại cây lâu năm đang có khó khăn về thị trường và đã vượt quy hoạch sản xuất (cao su, cà phê...) chủ yếu tập trung tái canh vườn cây già cỗi, thâm canh phù hợp.

Các địa phương căn cứ vào tín hiệu của thị trường, tiềm năng và lợi thế của địa phương, quy hoạch đã được phê duyệt để xác định cơ cấu cây trồng và quy mô sản xuất phù hợp.

b) Chăn nuôi:

Thực hiện tái cơ cấu đàn vật nuôi theo lợi thế và thị trường; chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, gia trại, duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hình thức công nghiệp và ứng dụng công nghệ cao an toàn dịch bệnh; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

Giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, tăng cường dịch vụ thú y; quy định chặt chẽ việc quản lý và sử dụng thuốc thú y; áp dụng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo chuỗi giá trị; chủ động phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi.

c) Thủy sản:

Đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ, tập trung khai thác các sản phẩm chủ lực (cá ngừ, mực, bạch tuộc...) có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ; tổ chức lại sản xuất trên biển, phát triển các mô hình tổ, đội, hợp tác xã; hỗ trợ hiện đại hóa tàu cá để nâng cao hiệu quả khai thác và giảm tổn thất sau thu hoạch. Tăng cường năng lực Lực lượng kiểm ngư để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ giám sát thực thi pháp luật trên biển, đồng thời hỗ trợ ngư dân sản xuất, góp phần bảo vệ an ninh chủ quyền biển đảo; khuyến khích phát triển mô hình đồng quản lý nguồn lợi ven bờ nhằm nâng cao khả năng tự phục hồi, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Đa dạng hóa đối tượng nuôi, phương thức nuôi với cơ cấu diện tích và sản lượng phù hợp với lợi thế so sánh của từng vùng, từng địa phương. Đẩy mạnh áp dụng thực hành nuôi trồng thủy sản tốt, nuôi trồng thủy sản có chứng nhận và truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm chủ lực (tôm, cá tra, nhuyễn thể...); phát triển một số sản phẩm nuôi có tiềm năng (cá quả, rô phi, thác lác...). Phát triển các vùng nuôi thủy sản thâm canh ứng dụng công nghệ cao, nuôi tiết kiệm nước, nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái; phát triển mạnh nuôi, trồng trên biển, đặc biệt đối với trồng rong, tảo biển.

Nâng cao tỷ trọng chế biến các mặt hàng chế biến sâu, giá trị gia tăng cao; đa dạng hóa mặt hàng chế biến; mở rộng áp dụng hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm theo các tiêu chuẩn quốc tế ISO, HACCP, GMP, SSOP.

d) Lâm nghiệp:

Tập trung quản lý, khai thác, sử dụng bền vững rừng tự nhiên, thay thế các diện tích kém hiệu quả bằng rừng trồng có năng suất cao; phát triển rừng gỗ lớn, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế của rừng trồng theo hướng phát triển lâm nghiệp đa chức năng, khuyến khích mô hình kết

hợp chăn nuôi, trồng cây ăn quả và lâm sản ngoài gỗ, khai thác dịch vụ môi trường rừng; gắn bảo vệ và phát triển rừng với triển khai đồng bộ các chính sách xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập của người dân; tăng cường quản lý hệ sinh thái, đảm bảo đa dạng sinh học; áp dụng chứng nhận, tiêu chí quản lý rừng bền vững quốc gia phù hợp với thông lệ quốc tế.

đ) Thủy lợi:

Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/6/2012 của Chính phủ. Đồng thời, đẩy mạnh thực hiện chương trình đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; điều hành phục vụ sản xuất nông nghiệp, chống hạn hán, xâm nhập mặn.

Đầu tư thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng đa chức năng, tập trung vào nâng cấp, hiện đại hóa các công trình hiện có; đảm bảo an toàn các hồ chứa, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển; phát triển thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, tưới cho cây trồng cạn, chuyển đổi cơ cấu sản xuất; xây dựng các mô hình tưới tiến tiến, tiết kiệm nước.

Chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, nâng cao mức đảm bảo tiêu thoát nước, chống úng ngập, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu.

e) Phát triển công nghiệp chế biến, sản xuất muối:

Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị kết hợp với các biện pháp về tổ chức sản xuất, tiêu thụ hàng hóa nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao giá trị gia tăng. Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện quy hoạch phát triển ngành muối đến năm 2020. Mở rộng diện tích muối công nghiệp, hiện đại; tăng cường áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong chế biến, nâng cao năng suất và chất lượng muối.

2.2. Xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo phương thức lồng ghép với nội dung các chương trình mục tiêu trên địa bàn nông thôn nhằm xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội từng bước hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; gắn sản xuất nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống cho cư dân nông thôn.

2.3. Phát triển hạ tầng, nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất nông lâm ngư nghiệp phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020; ưu tiên đầu tư hạ tầng phục

vụ các lĩnh vực sản xuất có lợi thế phục vụ tái cơ cấu ngành; tiếp tục đầu tư hệ thống thủy lợi, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện đổi mới cơ cấu và cơ chế đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư công phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 1440/QĐ-BNN-KH ngày 27/6/2014 của Bộ.

Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành theo Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

3. Các nhiệm vụ và giải pháp chính

a) Rà soát, điều chỉnh bổ sung và xây dựng mới các quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu phục vụ tái cơ cấu ngành trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế vùng miền, gắn với chế biến, tiêu thụ và tính tới các yếu tố biến động của thị trường. Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch và nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quy hoạch.

b) Phát triển thị trường, thúc đẩy tiêu thụ nông sản

Đổi mới và nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường, quảng bá hàng nông, lâm, thủy sản Việt Nam ở cả trong nước và nước ngoài; đa dạng hóa thị trường nhất là phát triển các thị trường tiềm năng; đồng thời, tổ chức nghiên cứu, phân tích và dự báo thị trường, xây dựng thương hiệu, tháo gỡ các rào cản thương mại, rào cản về tiêu chuẩn kỹ thuật để mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm, thủy sản, bảo đảm tiêu thụ nông sản kịp thời, hiệu quả cho doanh nghiệp và người sản xuất.

c) Phát triển mạnh khoa học công nghệ và khuyến nông

Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng sâu rộng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghệ viễn thám; Tăng cường sự kết nối, hợp tác giữa các cơ sở nghiên cứu với doanh nghiệp, thực hiện chính sách đặt hàng cho các nhiệm vụ khoa học; từng bước hình thành các trung tâm khoa học công nghệ cho các vùng trọng điểm nông nghiệp; đẩy nhanh xây dựng và ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong các lĩnh vực thuộc ngành.

d) Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện kế hoạch sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tổ chức thực hiện các giải pháp sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị và Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014

của Chính phủ; nhân rộng các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản; tập trung chuyên đổi hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật Hợp tác xã.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016 theo phân giao nhiệm vụ tại Quyết định số 1177/QĐ-BNN-QLDN ngày 10/4/2015 của Bộ ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ; tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp, nông thôn; bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh sản phẩm. Chú trọng tổ chức thực hiện Luật Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; phát triển liên kết theo chuỗi giá trị.

đ) Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế

Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế nhằm thu hút nguồn đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường xuất khẩu và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác khoa học, đào tạo. Thực hiện kế hoạch hành động của Chính phủ (Nghị quyết 49/NQ-CP ngày 10/7/2014) tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 5/2/2007 của Hội nghị BCH Trung ương về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững sau khi gia nhập WTO, các chủ trương, chính sách đối ngoại và chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài, các kế hoạch Chương trình hành động của Bộ về hội nhập quốc tế.

e) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý chất lượng và vệ sinh ATTP và xây dựng lực lượng, tăng cường năng lực quản lý để nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm để tháo gỡ rào cản, tạo thuận lợi cho xuất khẩu và tiêu thụ hàng nông sản; giải quyết tốt hơn những bức xúc của xã hội về vấn đề an toàn thực phẩm, bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng.

f) Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Phát triển nhanh nguồn nhân lực qua đào tạo, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động nông thôn; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đào tạo theo Đề án “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2014-2020” (Quyết định số 1323/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/6/2014). Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho nông dân; triển khai mạnh chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

g) Thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích đầu tư tư nhân

Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chuyển dần việc cung cấp một số dịch vụ công sang cho tư nhân và các tổ chức xã hội thực hiện và phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước và tư nhân (đối tác công tư, hợp tác công tư,...) để huy động nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công; tăng tỷ lệ vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước trong tổng vốn đầu tư vào nông nghiệp.

h) Cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành

Thực hiện kế hoạch đổi mới cơ chế, chính sách và pháp luật phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp (Quyết định 3346/QĐ-BNN-KH ngày 29/7/2014); bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách thúc đẩy sản xuất, khuyến khích nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, khuyến khích đầu tư tư nhân và phát triển các hình thức liên kết, hợp tác đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước và tư nhân để huy động nguồn lực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý ngành từ trung ương đến địa phương; phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương về các lĩnh vực: đầu tư, quản lý chất lượng nông sản, vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 và kế hoạch cụ thể của Bộ giai đoạn 2016-2020. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

4. Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2016

4.1. Đối với dự toán chi nguồn ngân sách nhà nước năm 2016

a) Chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước

Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

Việc bố trí vốn phải thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công, trong đó chỉ bố trí vốn cho các chương trình, dự án đã dự kiến đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020; ưu tiên bố trí vốn hỗ trợ đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP); đối ứng cho các dự án ODA; thanh toán trả nợ đọng xây dựng cơ bản và hoàn vốn đã ứng trước; bố trí vốn cho những công trình hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2015 nhưng còn thiếu vốn, các công trình chuyển tiếp, dở dang của giai đoạn 2011 - 2015 chuyển sang giai đoạn 2016 - 2020; số vốn còn lại mới bố trí cho các dự án khởi công mới. Chỉ bố trí vốn cho các dự án khởi công mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư trước ngày 31/10/2015 và bố trí đủ vốn theo tiến độ được phê duyệt trong năm đầu thực hiện dự án.

b) Chi thường xuyên

Xây dựng dự toán chi thường xuyên các lĩnh vực theo đúng định mức phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước và các chính sách, chế độ, định mức hiện hành. Ưu tiên bố trí vốn đối ứng dự án ODA, các chương trình trọng tâm như chương trình giống, khuyến nông, vệ sinh ATTP... và một số lĩnh vực theo các nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ.

Trong điều kiện cân đối ngân sách còn khó khăn, yêu cầu các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách lập dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm, đặc biệt là dự toán chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền, hạn chế tối đa về số lượng và quy mô tổ chức hội nghị, hội thảo, tổng kết, lễ ký kết, khởi công, phong tặng danh hiệu, tiếp khách, đi công tác trong, ngoài nước và các nhiệm vụ không cần thiết, cấp bách khác; dự toán chi cho các nhiệm vụ này không tăng so với thực hiện năm 2015.

4.2. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu

Các đơn vị được Bộ giao chủ trì xây dựng chương trình khẩn trương hoàn thiện báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu phát triển thủy sản bền vững, Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; đồng thời, xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi của chương trình để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quyết định đầu tư.

Bố trí chi cho các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu (cả chi đầu tư và chi thường xuyên) theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền cho giai đoạn 5 năm 2016 - 2020, khả năng cân đối ngân sách nhà nước và các nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020. Riêng đối với chi thường xuyên thuộc các chương trình giai đoạn 2011- 2015, từ năm 2016 chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên của các Bộ, ngành, địa phương.

4.3. Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ

Thực hiện lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 theo đúng trình tự, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thi hành; trong đó, làm rõ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ, vốn viện trợ không hoàn lại, vốn đối ứng theo các chương trình, dự án và phù hợp với tính chất sử dụng vốn của dự án (vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp).

Các chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch năm 2016 phải là các chương trình, dự án đã có điều ước quốc tế hoặc Hiệp định về vốn ODA và vốn vay ưu đãi đã được ký kết với các nhà tài trợ nước ngoài. Bố trí dự toán chi ngân sách từ nguồn vốn ODA cho các dự án bảo đảm theo tiến độ đã ký kết với nhà tài trợ, khả năng đáp ứng nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng, năng lực của chủ đầu tư quản lý chương trình, dự án ODA.

4.4. Đối với đầu tư từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ

Kế hoạch năm 2016, bố trí đủ số vốn trái phiếu Chính phủ còn lại cho các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong giai đoạn 2012 - 2015 và bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ trong giai đoạn 2014 - 2016, trong đó bố trí đủ nguồn để thu hồi các khoản vốn trái phiếu Chính phủ ứng trước. Đồng thời, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác để bổ sung vốn cho các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ triển khai dở dang nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Kế hoạch

- Chủ trì, hướng dẫn các địa phương, đơn vị xây dựng và tổng hợp kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn năm 2016;

- Chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính tổng hợp, cân đối báo cáo Bộ trưởng về Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016, gồm vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, vốn trái phiếu Chính phủ;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ làm việc với Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Tài chính và các địa phương về Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn và Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016.

2. Vụ Tài chính

- Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2015 và lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2016; tổng hợp báo cáo Bộ trưởng;

- Chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch tổng hợp, cân đối báo cáo Bộ kế hoạch chi ngân sách đối với chương trình, dự án sử dụng nguồn sự nghiệp;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ làm việc với Bộ Tài chính, bảo vệ dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.

3. Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Tham mưu cho Bộ chuẩn bị báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, chuẩn bị báo cáo nghiên cứu khả thi để Bộ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư Chương trình;

- Đề xuất cơ chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong kế hoạch năm 2016;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan dự kiến nhiệm vụ và phương án phân bổ dự toán ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2016 trên cơ sở tổng mức vốn dự kiến do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thông báo, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp.

4. Các Tổng cục/Cục/Vụ thuộc Bộ và các Sở Nông nghiệp và PTNT

Xây dựng Kế hoạch phát triển ngành, các tiểu ngành, lĩnh vực và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, làm việc với các Bộ ngành liên quan về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.

5. Các Viện, Trường, Trung tâm, Doanh nghiệp thuộc Bộ, Ban quản lý dự án và các đơn vị khác

Tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển năm 2016 của đơn vị; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các dự án đầu tư, dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2015 và đề xuất nhu cầu đầu tư, lập dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2016 gửi về Bộ để tổng hợp.

Việc xây dựng Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 có ý nghĩa hết sức quan trọng, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của toàn ngành năm 2015, Bộ yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các cơ quan trực thuộc tập trung xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016, gửi về Bộ (Vụ Kế hoạch) theo đường văn bản và theo thư điện tử: kh@mard.gov.vn trước ngày 10/7/2015 để tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31/7/2015 (Các hướng dẫn xây dựng kế hoạch và biểu mẫu kèm theo đăng tại Website của Vụ Kế hoạch: <http://vukehoach.mard.gov.vn>).

Trong quá trình triển khai xây dựng kế hoạch đề nghị các đơn vị thuộc Bộ và các Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi với Vụ Kế hoạch để xử lý, hướng dẫn bảo đảm thực hiện đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Các Sở NN và PTNT;
- Website Bộ NN và PTNT;
- Lưu: VT, KH.(200)

